



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 1256/ GP-UB ngày 16 tháng 6 năm 1994

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100364579 ngày 7 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 23 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 7 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Võ Văn Mai	Chủ tịch (từ ngày 21/4/2017 đến ngày 31/5/2017)
Ông Vladislavs Savkins	Chủ tịch (đến ngày 21/4/2017)
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch (đến ngày 21/4/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Phó Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Thành viên (đến ngày 31/5/2017)
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
Ông David Đỗ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Trịnh Minh Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc (từ ngày 31/5/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/5/2017)
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 5/6/2017)

Trụ sở đăng ký 152 Thụy Khuê
Quận Tây Hồ, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

[Handwritten signature]
Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong các năm trước, Công ty và một số cá nhân đã thỏa thuận hợp tác và góp vốn để thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án “Xây dựng Trung tâm giao dịch điện tử và phần mềm Hà Nội – Hanesco và khu nhà thấp tầng cho thuê” tại địa chỉ của Công ty là số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội. Theo thỏa thuận này, Công ty và các cá nhân có quyền đầu tư, khai thác từng phần đất nhất định trong lô đất tại địa chỉ nói trên. Các cá nhân đã hoàn thành việc đóng góp trong các năm trước và Công ty cũng đã sử dụng số tiền đóng góp này để hoàn thành việc đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án. Do đó, Công ty đã ghi nhận giá trị xây dựng tòa nhà Hanesco bao gồm cả phần tài sản hình thành từ vốn góp của các cá nhân là tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao theo thời hạn thuê đất còn lại, đồng thời ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời gian tương ứng. Trong năm 2016, Công ty nhận được Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cho phép Công ty sử dụng diện tích đất tại khu nhà thấp tầng số 152 Thụy Khuê để thực hiện dự án nhà ở thấp tầng để bán. Trên cơ sở Quyết định này, Công ty đánh giá lại giao dịch hợp tác góp vốn với các cá nhân và cho rằng đây là giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư và quyền sở hữu bất động sản, và do đó Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của giao dịch này tương ứng là số vốn góp nhận trước còn lại của các cá nhân và giá trị còn lại của khu nhà ở trong tài sản cố định hữu hình tương ứng với phần chuyển nhượng.

Tuy nhiên, Công ty và các cá nhân trên chưa ký kết một thỏa thuận nào từ năm 2016 về việc sửa đổi nội dung hợp tác trước đây hay chuyển nhượng quyền sở hữu khu nhà ở. Do đó, theo ý kiến của chúng tôi, việc Công ty ghi nhận giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư và quyền sở hữu bất động sản trong năm 2016 là chưa đủ cơ sở. Nếu Công ty tiếp tục ghi nhận toàn bộ giá trị tòa nhà là tài sản cố định và trích khấu hao, và ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và phân bổ, một số khoản mục của báo cáo tài chính riêng sẽ thay đổi như sau:

- Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 22.101.384.047 VND và 7.549.492.681 VND (1/1/2017: 22.101.384.047 VND và 6.336.840.693 VND);
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 1.284.277.649 VND và 14.662.666.944 VND (1/1/2017: giảm lần lượt 1.284.277.649 VND và 15.946.944.594 VND);
- Doanh thu và giá vốn hàng bán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 1.284.277.649 VND và 1.212.651.988 VND (2016: giảm lần lượt 17.231.222.243 VND và 15.764.543.354 VND);
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng 14.325.132 VND (2016: giảm 293.335.778 VND); thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 279.010.645 VND (1/1/2017: giảm 293.335.778 VND)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tăng 57.300.529 (2016: 1.173.343.111 VND) giảm và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 1.116.042.582 VND (1/1/2017: giảm 1.173.343.111 VND).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-017-KT/R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018



Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2040-2018-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		583.886.922.668	488.652.891.839
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	114.390.828.362	127.604.970.487
Tiền	111		49.490.828.362	27.604.970.487
Các khoản tương đương tiền	112		64.900.000.000	100.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		230.760.000	142.100.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	230.760.000	142.100.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339.571.155.789	242.510.916.437
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	162.549.294.887	94.137.305.156
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.798.587.994	13.783.203.172
Phải thu theo tiến độ hợp đồng dịch vụ	134	7	121.704.251.435	97.036.890.477
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	40.316.750.552	39.890.559.895
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.797.729.079)	(4.337.042.263)
Hàng tồn kho	140	10	57.198.488.592	46.369.018.598
Hàng tồn kho	141		57.597.243.723	46.782.449.209
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(398.755.131)	(413.430.611)
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.495.689.925	72.025.886.317
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	25.886.317
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		495.689.925	-
Tài sản ngắn hạn khác	155	11	72.000.000.000	72.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		327.768.032.513	99.391.815.283
Các khoản phải thu dài hạn	210		401.837.000	300.304.000
Phải thu dài hạn khác	216		401.837.000	300.304.000
Tài sản cố định	220		13.956.884.636	16.113.859.080
Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.956.422.654	13.431.750.936
Nguyên giá	222		41.400.366.343	41.073.666.343
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.443.943.689)	(27.641.915.407)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.000.461.982	2.682.108.144
Nguyên giá	228		6.897.414.903	6.897.414.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.896.952.921)	(4.215.306.759)
Bất động sản đầu tư	230	14	237.505.038.111	-
Nguyên giá	231		237.505.038.111	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		344.327.273	321.300.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		344.327.273	321.300.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	75.023.614.150	81.750.617.502
Đầu tư vào công ty con	251		74.293.570.000	84.993.570.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		23.000.000.000	23.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.764.044.944	6.764.044.944
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.034.000.794)	(33.006.997.442)
Tài sản dài hạn khác	260		536.331.343	905.734.701
Chi phí trả trước dài hạn	261		536.331.343	472.585.854
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	-	433.148.847
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		911.654.955.181	588.044.707.122

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		578.037.728.748	257.918.515.356
Nợ ngắn hạn	310		573.941.038.474	255.454.789.407
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	83.060.143.205	45.670.079.361
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.604.225.977	66.265.095.490
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.038.560.381	5.409.138.419
Phải trả người lao động	314		4.723.011.546	4.214.893.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	213.734.545	1.178.739.400
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	262.858.000	262.858.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	261.081.801.395	82.663.985.737
Vay ngắn hạn	320	21	175.956.703.425	49.790.000.000
Nợ dài hạn	330		4.096.690.274	2.463.725.949
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	900.332.622	838.492.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	149.455.892	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	3.046.901.760	1.625.233.949
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		333.617.226.433	330.126.191.766
Vốn chủ sở hữu	410	23	333.617.226.433	330.126.191.766
Vốn cổ phần	411	24	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(58.025.509.272)	(58.025.509.272)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.185.974.721	6.694.940.054
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.694.940.054	1.677.958.691
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.491.034.667	5.016.981.363
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		911.654.955.181	588.044.707.122

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	588.718.993.029	414.895.300.119
Giá vốn hàng bán	11	28	525.991.354.715	357.900.520.750
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		62.727.638.314	56.994.779.369
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	5.619.361.401	10.933.938.773
Chi phí tài chính	22	30	4.902.290.545	6.280.398.223
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.735.089.965	2.929.136.916
Chi phí bán hàng	25	31	31.394.513.908	26.758.169.087
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	29.679.077.660	30.592.188.739
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.371.117.602	4.297.962.093
Thu nhập khác	31	33	2.705.579.598	2.741.209.117
Chi phí khác	32		7.530.393	545.598.278
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.698.049.205	2.195.610.839
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.069.166.807	6.493.572.932
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	995.527.401	1.135.297.561
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	582.604.739	341.294.008
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.491.034.667	5.016.981.363

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.069.166.807	6.493.572.932
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.483.674.444	4.096.033.664
Các khoản dự phòng	03		2.536.084.607	3.187.591.558
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(785.454.873)	476.617.264
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.229.567.811)	(8.753.602.780)
Chi phí lãi vay	06		3.735.089.965	2.929.136.916
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.808.993.139	8.429.349.554
Biến động các khoản phải thu	09		(98.895.615.140)	24.431.490.562
Biến động hàng tồn kho	10		(10.837.821.787)	27.294.565.108
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		192.707.740.025	(6.296.319.904)
Biến động chi phí trả trước	12		(63.745.489)	114.039.036
			91.719.550.748	53.973.124.356
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.735.089.965)	(4.139.695.944)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.257.186.350)	(6.952.443.523)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		86.727.274.433	42.880.984.889

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(237.831.738.111)	(404.718.468)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(88.660.000)	(2.092.100.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.000.000.000	16.500.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		5.607.205.972	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.229.567.811	8.753.602.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(226.083.624.328)	22.756.784.312
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(41.134.234.240)
Tiền thu từ đi vay	33		241.301.903.298	86.974.077.111
Tiền trả nợ gốc vay	34		(115.135.199.873)	(100.508.483.711)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36		(26.519.400)	(13.039.302.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		126.140.184.025	(67.707.943.440)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(13.216.165.870)	(2.070.174.239)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		127.604.970.487	129.718.518.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.023.745	(43.374.054)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	114.390.828.362	127.604.970.487

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Hải Yên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng
Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.*

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày báo cáo, Công ty có các công ty con cấp 1 và công ty liên doanh, liên kết sau:

	Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty con cấp 1			
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
	TP Hồ Chí Minh,		
	Việt Nam	-	100%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (*)			
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	Hà Nội, Việt Nam	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	27%	27%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	22%	22%
Công ty liên doanh			
Thời báo doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	50%

Ngoài các công ty con cấp 1 trên, Công ty còn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao, một công ty con cấp 2 có 55% vốn sở hữu thuộc về Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT, một công ty con cấp 1 của Công ty.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn, một công ty con của Công ty, đã hoàn tất thủ tục giải thể.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 120 nhân viên (1/1/2017: 152 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và các công ty liên kết của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	167.468.300	110.206.456
Tiền gửi ngân hàng	49.323.360.062	27.494.764.031
Các khoản tương đương tiền	64.900.000.000	100.000.000.000
	114.390.828.362	127.604.970.487

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,9% đến 6,9%/năm.

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	230.760.000	142.100.000
	230.760.000	142.100.000

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,9% đến 6,9%/năm.

Giá trị hợp lý của tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Giá gốc VND	31/12/2017 Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	1/1/2017 Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư góp vốn vào:						
▪ Công ty con						
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	10.000.000.000	(2.817.698.657)	7.182.301.343	10.000.000.000	(2.906.464.094)	7.093.535.906
- Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(1.089.641.183)	910.358.817
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội	2.293.570.000	(2.293.570.000)	-	2.293.570.000	(2.293.570.000)	-
- Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn	-	-	-	10.700.000.000	(4.794.590.028)	5.905.409.972
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
	74.293.570.000	(17.111.268.657)	57.182.301.343	84.993.570.000	(21.084.265.305)	63.909.304.695
▪ Công ty liên kết						
- Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	2.500.000.000	(820.856.243)	1.679.143.757	2.500.000.000	(820.856.243)	1.679.143.757
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000
- Công ty TNHH Giải pháp HIMC	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000
▪ Công ty liên doanh						
- Thời báo Doanh nhân	2.000.000.000	(1.203.411.365)	796.588.635	2.000.000.000	(1.203.411.365)	796.588.635
	23.000.000.000	(7.724.267.608)	15.275.732.392	23.000.000.000	(7.724.267.608)	15.275.732.392
▪ Đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	6.764.044.944	(4.198.464.529)	2.565.580.415	6.764.044.944	(4.198.464.529)	2.565.580.415
	104.057.614.944	(29.034.000.794)	75.023.614.150	114.757.614.944	(33.006.997.442)	81.750.617.502

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam	32.430.837.340	6.318.400.000
Trung tâm Công nghệ thông tin Kiểm toán Nhà nước	30.037.449.080	-
Công ty Truyền tải điện 3	21.027.440.000	-
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	13.324.802.806	-
Nina International	6.363.409.696	26.655.617.980
Các khách hàng khác	59.365.355.965	61.163.287.176
	<hr/> 162.549.294.887	<hr/> 94.137.305.156 <hr/>

7. Phải thu theo tiến độ hợp đồng dịch vụ

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu năm	97.036.890.477	75.219.108.693
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	97.205.304.542	34.924.997.193
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối năm	194.242.195.019	110.144.105.886
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(72.537.943.584)	(13.107.215.409)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	<hr/> 121.704.251.435	<hr/> 97.036.890.477 <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu khác từ các công ty liên quan	7.105.815.653	4.906.728.536
▪ Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT	3.036.408.607	3.036.408.607
▪ Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT	1.067.281.991	1.093.549.491
▪ Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	430.926.273	774.770.438
▪ Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT	2.569.198.782	-
▪ Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao	2.000.000	2.000.000
Phải thu khác từ các cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng cơ bản	3.438.015.298	3.597.233.236
Tạm ứng cho nhân viên (*)	25.324.257.999	30.939.265.044
Ký cược, ký quỹ	54.692.790	115.514.000
Phải thu khác	4.393.968.812	331.819.079
	<hr/>	<hr/>
	40.316.750.552	39.890.559.895
	<hr/>	<hr/>

(*) Tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho việc triển khai các dự án của Công ty và dự kiến sẽ được hoàn ứng khi các dự án hoàn thành. Trong các khoản tạm ứng cho nhân viên có 7.869 triệu VND là tạm ứng cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (1/1/2017: 13.288 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2017			1/1/2017				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Nợ quá hạn								
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT	Trên 3 năm	3.036.408.607	(3.036.408.607)	-	Trên 3 năm	3.036.408.607	(3.036.408.607)	-
Khác	Trên 3 năm	770.126.065	(761.320.472)	8.805.593	Trên 3 năm	1.318.734.145	(1.300.633.656)	18.100.489
		<u>3.806.534.672</u>	<u>(3.797.729.079)</u>	8.805.593		<u>4.355.142.752</u>	<u>(4.337.042.263)</u>	18.100.489

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(3.797.729.079)(4.337.042.263)

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.379.026.620	-	10.696.076.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.395.955.463	-	12.527.688.869	-
Hàng hóa	13.822.261.640	(398.755.131)	23.245.063.536	(413.430.611)
Hàng gửi đi bán	-	-	313.620.524	-
	57.597.243.723	(398.755.131)	46.782.449.209	(413.430.611)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 611 triệu VND hàng hóa (1/1/2017: 632 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

11. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng Bảo Việt”).

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty hạch toán giá gốc 72 tỷ VND của khoản đầu tư vào Tài sản ngắn hạn khác và ghi nhận số tiền 72 tỷ VND nhận được từ bên thứ ba vào Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 20(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.748.120.749	4.281.532.813	848.270.909	17.195.741.872	41.073.666.343
Tăng trong năm	-	-	-	326.700.000	326.700.000
Số dư cuối năm	18.748.120.749	4.281.532.813	848.270.909	17.522.441.872	41.400.366.343
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.040.153.406	4.216.156.471	176.000.454	16.209.605.076	27.641.915.407
Khấu hao trong năm	833.373.168	53.333.334	106.033.864	809.287.916	1.802.028.282
Số dư cuối năm	7.873.526.574	4.269.489.805	282.034.318	17.018.892.992	29.443.943.689
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	11.707.967.343	65.376.342	672.270.455	986.136.796	13.431.750.936
Số dư cuối năm	10.874.594.175	12.043.008	566.236.591	503.548.880	11.956.422.654

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 17.642 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 14.760 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu và cuối năm	3.926.442.619	2.970.972.284	6.897.414.903
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.884.692.461	2.330.614.298	4.215.306.759
Khấu hao trong năm	157.057.705	524.588.457	681.646.162
Số dư cuối năm	2.041.750.166	2.855.202.755	4.896.952.921
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.041.750.158	640.357.986	2.682.108.144
Số dư cuối năm	1.884.692.453	115.769.529	2.000.461.982

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 385 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 385 triệu VND).

14. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	Quyền sử dụng đất VND
Số dư đầu kỳ	-
Tăng trong kỳ	237.505.038.111
Số dư cuối kỳ	237.505.038.111

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty là Quyền sử dụng đất của diện tích đất tại cùng địa chỉ với Công ty là số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chênh lệch tỷ giá	20%	-	433.148.847
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tỷ giá	20%	149.455.892	-

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vizrt (Thailand), Ltd.	27.486.615.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Savis Việt Nam	10.186.993.080	-
Dell Global B.V. (Singapore Branch)	-	10.696.076.280
Các nhà cung cấp khác	45.386.535.125	34.974.003.081
	83.060.143.205	45.670.079.361

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có đủ khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty CP Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội – một công ty con	22.000.000	22.000.000

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân	95.000.000	95.000.000
Các nhà cung cấp khác	197.661.976	197.661.976
	<hr/> 292.661.976	<hr/> 292.661.976

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có đủ khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.164.592.832	68.029.820.371	(68.136.295.931)	4.058.117.272
Thuế xuất nhập khẩu	1.666.627	258.398.333	(258.944.092)	1.120.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.135.297.561	995.527.401	(1.257.186.350)	873.638.612
Thuế thu nhập cá nhân	107.581.399	2.696.302.632	(2.698.200.402)	105.683.629
Các loại thuế khác	-	497.428.171	(497.428.171)	-
	<hr/> 5.409.138.419	<hr/> 72.477.476.908	<hr/> (72.848.054.946)	<hr/> 5.038.560.381

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	213.734.545	1.178.739.400
	<hr/> 213.734.545	<hr/> 1.178.739.400

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ phần mềm nhận trước	262.858.000	262.858.000
	<hr/> 262.858.000	<hr/> 262.858.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	5.142.011.119	5.142.011.119
<i>Bên thứ ba</i>		
Tạm ứng từ các cá nhân (*)	178.591.421.044	-
Tạm ứng nhận được từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh 11)	72.000.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (**)	2.656.280.900	2.656.280.900
Phải trả cổ tức	275.140.575	301.659.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.416.947.757	2.564.033.743
	261.081.801.395	82.663.985.737

(*) Phản ánh khoản tạm ứng trong năm 2017 Công ty nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc mua lại một phần quyền sử dụng đất của Công ty tại địa chỉ số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

(**) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112 từ Chính phủ - Dự án cài đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan Nhà nước trên toàn quốc.

Khoản phải trả khác đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	338.492.000	338.492.000
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	561.840.622	500.000.000
	900.332.622	838.492.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	49.790.000.000	241.301.903.298	(115.135.199.873)	175.956.703.425

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT – công ty con	VND	0% - 5%	49.790.000.000	49.790.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô	VND	7,3% - 8%	126.166.703.425	-
			175.956.703.425	49.790.000.000

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều không được đảm bảo, khoản vay từ công ty con phải trả khi yêu cầu.

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Bảo hành VND
Số dư đầu năm	1.625.233.949
Dự phòng lập trong năm	4.925.315.091
Dự phòng sử dụng trong năm	(3.503.647.280)
Số dư cuối năm	3.046.901.760

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	225.590.300.000	136.237.470.000	(16.891.275.032)	19.628.990.984	14.699.516.891	379.265.002.843
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.016.981.363	5.016.981.363
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(41.134.234.240)	-	-	(41.134.234.240)
Cổ tức	-	-	-	-	(13.021.558.200)	(13.021.558.200)
Số dư tại ngày 1/1/2017	225.590.300.000	136.237.470.000	(58.025.509.272)	19.628.990.984	6.694.940.054	330.126.191.766
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.491.034.667	3.491.034.667
Số dư tại ngày 31/12/2017	225.590.300.000	136.237.470.000	(58.025.509.272)	19.628.990.984	10.185.974.721	333.617.226.433

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.559.030	225.590.300.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.903.843)	(58.025.509.272)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	19.655.187	167.564.790.728

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.576	35.717.951	1.152	26.178.043
EUR	661	17.848.661	522.945	12.473.274.122
		53.566.612		12.499.452.165

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu Công ty Cho thuê Tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.736.000	221.736.000
Phải thu Ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	Không còn giao dịch	2016	20.991.178.683	20.991.178.683
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch		1.310.284.298	761.676.218
			22.759.407.641	22.210.799.561

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	402.159.412.119	278.100.574.716
▪ Cung cấp dịch vụ	183.243.928.845	116.848.564.157
▪ Cho thuê và chuyển nhượng bất động sản	3.315.652.065	19.946.161.246
	588.718.993.029	414.895.300.119

28. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Hàng hoá đã bán	372.124.106.891	235.338.227.619
Dịch vụ đã cung ứng	153.878.663.487	105.582.484.642
Cho thuê và chuyển nhượng bất động sản	3.259.817	16.977.195.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.675.480)	2.613.147
	525.991.354.715	357.900.520.750

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.452.070.031	4.896.213.181
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.777.497.780	3.857.389.599
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	604.338.717	1.376.916.799
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	785.454.873	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	803.419.194
	5.619.361.401	10.933.938.773

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	3.735.089.965	2.929.136.916
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.795.042	882.425.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	476.617.264
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.119.797.380	1.986.624.681
Chi phí tài chính khác	4.608.158	5.594.176
	<hr/>	<hr/>
	4.902.290.545	6.280.398.223

31. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	17.683.108.893	16.502.065.045
Chi phí dự phòng bảo hành	4.925.315.091	1.978.779.650
Chi phí bán hàng khác	8.786.089.924	8.277.324.392
	<hr/>	<hr/>
	31.394.513.908	26.758.169.087

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	15.681.239.257	17.339.918.550
Chi phí khấu hao	2.762.193.774	2.764.969.027
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	9.294.896	557.927.371
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.226.349.733	9.929.373.791
	<hr/>	<hr/>
	29.679.077.660	30.592.188.739

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Thu nhập khác**

	2017 VND	2016 VND
Giảm giá từ nhà cung cấp	2.673.895.568	2.717.075.998
Các khoản khác	31.684.030	24.133.119
	<hr/> 2.705.579.598	<hr/> 2.741.209.117

34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	526.567.934.593	357.436.341.295
Chi phí nhân viên	33.364.348.150	33.841.983.595
Chi phí khấu hao	2.483.674.444	4.096.033.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.165.765.140	6.083.635.823
Chi phí khác	10.483.223.956	13.792.884.199

35. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	995.527.401	878.111.211
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	257.186.350
	<hr/> 995.527.401	<hr/> 1.135.297.561
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	582.604.739	341.294.008
	<hr/> 1.578.132.140	<hr/> 1.476.591.569

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.069.166.807	6.493.572.932
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.013.833.361	1.298.714.586
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.122.733.431	701.419.512
Thu nhập không bị tính thuế	(555.499.556)	(771.477.920)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(2.935.096)	(9.250.959)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	257.186.350
	1.578.132.140	1.476.591.569

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Các công ty con		
<i>Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT</i>		
Chi phí lãi vay	1.654.007.638	1.326.533.056
Chia lợi nhuận	1.355.163.473	2.852.283.077
Bán hàng hóa và dịch vụ	200.000.000	-
<i>Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.346.770.135	15.455.670.628
<i>Công ty Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HiPT</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	29.765.000	-
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không</i>		
Cổ tức	1.422.334.307	1.005.106.522
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.158.473.719	14.299.077.160
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	2.872.202.812	3.594.500.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:




Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc

HIPT